

Bản án số: 23/2023/HS-PT

Ngày: 10-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Dương Ngọc Thành

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Dương Phát - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2023/TLPT-HS ngày 30 tháng 01 năm 2023 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc B đối với Bản án hình sự thẩm số 19/2022/HS-ST, ngày 28 tháng 11 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Quốc B**, sinh năm 1993, tại: Long An. Nơi cư trú: Số nhà 102, Ấp 5, xã P, huyện T, Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1968 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1966; bị cáo chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 14/7/2021, bị Công an xã P, huyện T, tỉnh Long An xử phạt vi phạm hành chính 750.000đ về hành vi đánh nhau; bị cáo chấp hành quyết định ngày 05/10/2021; bị cáo đang tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc B: Ông Trần Văn Nam là Luật sư Công ty Luật TNHH Vạn Phúc thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo không triệu tập:

- Bị hại: Ông Đỗ Hữu K, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 221, Ấp 5, xã P, huyện T, tỉnh Long An .

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị P1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 06/7/2022, tại nhà ông Đỗ Hữu K ở địa chỉ số 221, Ấp 5, xã P, huyện T, tỉnh Long An, đoàn công tác của Tòa án nhân dân tỉnh Long An cùng ông Lương Huỳnh K1, là nhân viên Công ty N, ông Đỗ Hữu K là bị đơn, ông Nguyễn Văn V là nguyên đơn trong vụ án ông V tranh chấp quyền sử dụng đất với ông K; ngoài ra có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn C, là công chức địa chính xã P và bà Lê Thị P1, thường trú: Ấp 5, xã P, huyện T, tỉnh Long An để tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp giữa ông V với ông K.

Khi đó, bà Nguyễn Thị H là vợ của ông V cũng có mặt tại nhà ông K, bà H đứng phía ngoài cách bàn tròn nơi đoàn ngồi làm việc khoảng 01 mét; lúc này giữa ông K và bà H xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi với nhau về việc không thống nhất ranh đất giữa 02 bên. Lúc này, bị cáo Nguyễn Quốc B là con ruột ông V và bà H đi bộ từ nhà mình sang nhà ông K và đi lại đứng gần nơi bà H đang đứng, lúc này ông K đang đứng ở sân nhà cạnh tam cấp đi lên hàng tư bên phải nhà nhìn ra trước sân và cách B khoảng 04 mét. Khi đó, B khom người xuống nhặt 01 cục đá pêtông xi măng màu xám không rõ hình có kích thước dài nhất 17cm, ngắn nhất 04cm, bề dày 05cm ở sân nhà ông K cầm trên tay phải đưa lên ngang vai về sau, tống mạnh về phía ông K và trúng vào cẳng chân bên trái ông K. Sau đó, B cùng ông V, bà H bỏ đi về nhà. Sự việc được ông K trình báo đến Công an xã P.

Sau khi tiếp nhận tố giác về tội phạm của anh Đỗ Hữu K, Công an xã P, huyện T, tỉnh Long An tiến hành đến hiện trường lập biên bản xác định hiện trường, vẽ sơ đồ hiện trường. Tại hiện trường, Công an xã P tiến hành thu giữ 01 cục đá pêtông xi măng màu xám không rõ hình, có kích thước dài nhất 17cm, ngắn nhất 04cm, bề dày 05cm (cục đá gồm hỗn hợp cát, đá xanh 1x2 và xi măng tạo thành đã khô, cứng chắc) do bà Nguyễn Thị T1 là vợ của anh K giao nộp. Ngoài ra, Công an xã P còn trích xuất thu giữ 01 đoạn camera ghi lại hình ảnh diễn biến xảy ra vụ việc (camera được mắc vào vách tường hàng tư trước nhà anh K và hướng quay ra trước sân nhà). Đồng thời, Công an xã P tiến hành mời ông K và B đến Công an xã P làm việc. Tại Công an xã, do cẳng chân trái của ông K bị sưng gây đau nhứt nên ông K được người nhà đưa đến Trung tâm y tế huyện T cấp cứu điều trị thương tích đến ngày 13/7/2022 thì xuất viện.

Qua làm việc, B thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình đã dùng đá pêtông ném (tống) gây thương tích ở chân của ông Đỗ Hữu K.

Làm việc với người làm chứng Nguyễn Văn C xác định 01 cục đá pêtông xi măng màu xám không rõ hình có kích thước dài nhất 17cm, ngắn nhất 04cm, bề dày 05cm (Cục (viên) đá gồm hỗn hợp cát, đá xanh 1x2 và xi măng tạo thành đã khô, cứng chắc) mà Công an xã P đã thu giữ ngày 06/7/2022 chính là cục đá mà B đã dùng để tống trúng chân ông K gây thương tích ngày 06/7/2022.

Ngày 11/7/2022, ông K có đơn yêu cầu giám định thương tích gửi đến Công an huyện T và yêu cầu xử lý hình sự đối với Nguyễn Quốc B.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 235/TgT.22-PY, ngày 29/8/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Long An kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Đỗ Hữu K là 04%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HS-ST, ngày 28 tháng 11 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc B phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc B 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022 bị cáo Nguyễn Quốc B kháng cáo xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Nguyễn Quốc B thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử. Bị cáo xác định Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 6 tháng tù là quá nặng so với hành vi của bị cáo gây ra, nên bị cáo kháng cáo đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc cho bị cáo được hưởng án treo.

Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Nguyễn Quốc B thực hiện kháng cáo đúng quy định Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc B có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự, nên cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo về tội danh và điều luật trên là đúng quy định pháp luật, không oan. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã bồi thường cho bị hại 15.000.000đ; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 6 tháng tù. Bị cáo kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo. Xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có cung cấp thêm tình tiết là hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình có người

thân có công với Cách Mạng, có xác nhận của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với hành vi bị cáo gây ra. Bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ và bị cáo có 01 tiền sự, nên bị cáo không đủ điều kiện để hưởng treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HS-ST, ngày 28 tháng 11 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Quốc B. Bị cáo Nguyễn Quốc B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Quốc B trình bày: Thống nhất với tội danh và điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo. Khi quyết định hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tính chất côn đồ đối với hành vi của bị cáo, bởi vì giữa gia đình bị cáo và bị hại có mâu thuẫn tranh chấp đất từ trước, kéo dài đến nay chưa được giải quyết, nên bị cáo có hành vi vi phạm pháp luật đối với ông K. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là chưa đúng với hành vi khách quan. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi phạm tội có tính chất côn đồ đối với bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có cung cấp thêm các tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối cải về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Quốc B kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 06/7/2022, tại nhà ông Đỗ Hữu K ở địa chỉ số 221, Ấp 5, xã P, huyện T, tỉnh Long An, khi đoàn công tác của Tòa án nhân tỉnh Long An cùng các cơ quan chuyên môn đang tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn V với ông Đỗ Hữu K. Trong quá trình thẩm định, giữa ông K và bà H là mẹ của bị cáo xảy ra cãi vã tranh chấp về ranh giới đất (đây là quan hệ tranh chấp mà Tòa án đang xem xét, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án). Mặc dù bị cáo Nguyễn Quốc B không phải là đương sự trong vụ án, bị cáo cũng không có mâu thuẫn trực tiếp với ông K nhưng bị cáo B đã dùng cục đá bê tông xi măng màu xám không rõ hình có kích thước dài nhất 17cm, ngắn nhất 04cm, bề dày 05cm ném (tống) mạnh về

phía ông Đỗ Hữu K làm trúng cẳng chân bên trái và gây thương tích cho ông K. Hành vi của bị cáo là cố ý, bị cáo đã hung hăng, xem thường pháp luật nên bị cáo đã dùng cục đá pêtông xi măng là hung khí nguy hiểm trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của ông K với tỷ lệ thương tích là 04%. Hành vi của bị cáo gây thương tích cho bị hại có tính chất côn đồ và dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại, nên hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc B có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Quốc B về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo Nguyễn Quốc B gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này không những đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bị cáo là sẽ gây nguy hiểm cho sức khỏe của bị hại nhưng bị cáo vẫn bất chấp thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp và để mặc cho hậu quả xảy ra. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã bồi thường cho bị hại 15.000.000đ; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 6 tháng tù. Bị cáo kháng cáo yêu cầu áp dụng hình phạt là cải tạo không giam giữ đối với bị cáo hoặc cho bị cáo được hưởng án treo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo: Bị cáo kháng cáo có cung cấp thêm tình tiết mới là hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình bị cáo có người thân là ông Nguyễn Văn Sậm là Liệt sĩ, có xác nhận của chính quyền địa phương, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất côn đồ và bị cáo có 01 tiền sự về hành vi đánh nhau nên bị cáo không đủ điều kiện để áp dụng cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 và được hưởng án treo theo quy định Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HS-ST, ngày 28 tháng 11 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An, về phần hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[5] Xem xét lời trình bày bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc B. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HS-ST, ngày 28 tháng 11 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An, về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Quốc B.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc B phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc B 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Quốc B phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01b);
- VKSNDCC tại TPHCM (01b);
- VKSND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- TAND huyện (02b);
- VKSND huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Phụng